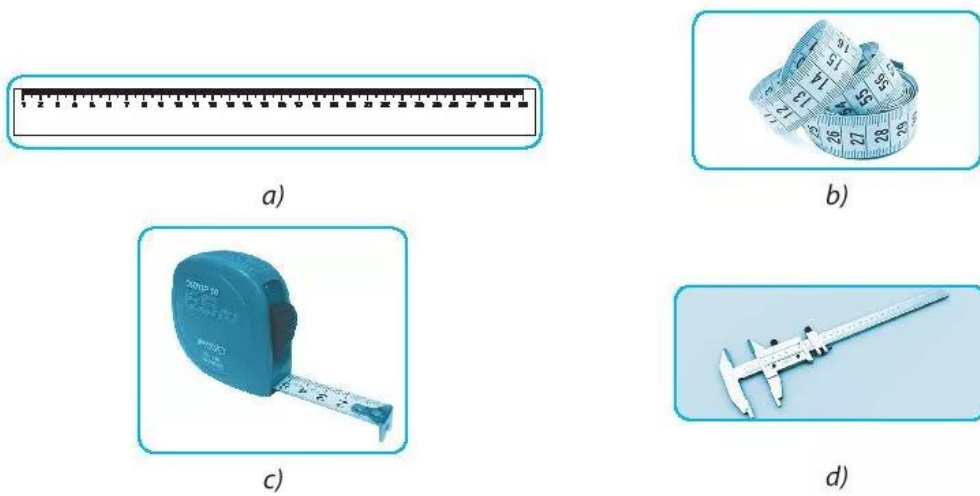


BÀI 5. ĐO CHIỀU DÀI

5.1. Có bốn loại thước Hình 5.1 a, b, c, d.

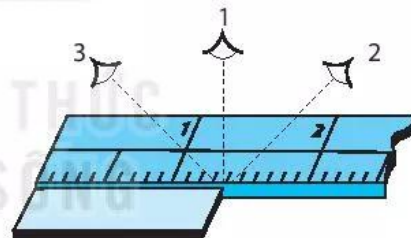


Hình 5.1

Lựa chọn loại thước nào trong Hình 5.1 phù hợp để đo các đối tượng sau:

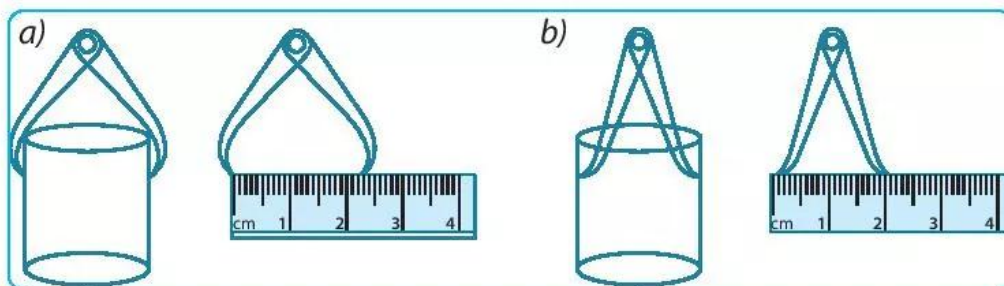
1. Chiều dài cuốn sách giáo khoa (SGK) KHTN 6.
2. Bề dày gáy cuốn SGK KHTN 6.
3. Chiều rộng phòng học.
4. Chiều cao của tủ sách.
5. Đường kính trong của miệng một cái cốc hình trụ.
6. Vòng eo của cơ thể người.

5.2. Khi dùng thước thẳng để đo chiều dài của một tấm gỗ, ba học sinh đã có ba cách đặt mắt để đọc kết quả đo (Hình 5.2). Học sinh nào đã có cách đặt mắt đọc kết quả đo đúng?



Hình 5.2

5.3. Khi dùng thước thẳng và com pa để đo đường kính ngoài của miệng cốc (Hình 5.3a) và đường kính trong của cốc (Hình 5.3b).

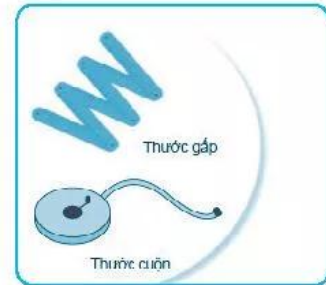


Hình 5.3

Kết quả nào ghi dưới đây là đúng?

- A. Đường kính ngoài 2,3 cm; đường kính trong 2,2 cm.
- B. Đường kính ngoài 2,1 cm; đường kính trong 2,0 cm.
- C. Đường kính ngoài 2,2 cm; đường kính trong 2,0 cm.
- D. Đường kính ngoài 2,0 cm; đường kính trong 2,0 cm.

5.4. Để đo diện tích của một vườn cỏ có kích thước 25 x 30 (m). Nếu trong tay em có hai chiếc thước: một thước gấp có giới hạn đo (GHĐ) 2 m và một thước cuộn có GHĐ 20 m (Hình 5.4). Em sẽ dùng thước nào để cho kết quả đo chính xác hơn? Vì sao?



Hình 5.4

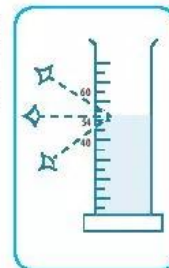
5.5. Trong tay em có một chiếc cốc như Hình 5.5, một thước dây, một thước kẹp, một com pa và một thước thẳng. Em sẽ dùng thước nào để đo:



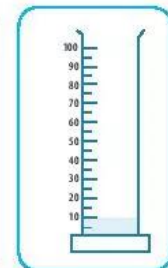
Hình 5.5

- a) Chu vi ngoài của miệng cốc?
- b) Độ sâu của cốc?
- c) Đường kính trong của phần thân cốc và đáy cốc?
- d) Độ dày của miệng cốc?

5.6. Hình 5.6 mô tả ba cách đọc và ghi kết quả khi đo thể tích của một chất lỏng bằng bình chia độ và cho ba kết quả: 40 cm^3 ; 54 cm^3 ; 60 cm^3 . Hãy cho biết kết quả nào đúng, tại sao?



Hình 5.6



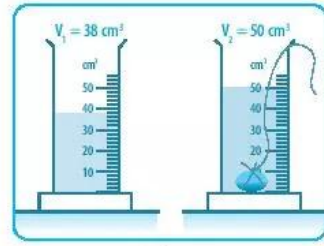
Hình 5.7

5.7. Một người dùng bình chia độ (Hình 5.7) để đo thể tích của chất lỏng. Hãy chỉ ra cách ghi kết quả đúng trong các trường hợp dưới đây.

- A. $10,2 \text{ cm}^3$.
- B. $10,50 \text{ cm}^3$.
- C. $10,5 \text{ cm}^3$.
- D. 10 cm^3 .

5.8. a) Hình 5.8 mô tả cách đo thể tích của một vật rắn không thấm nước bằng một bình chia độ. Thể tích của vật đó bằng

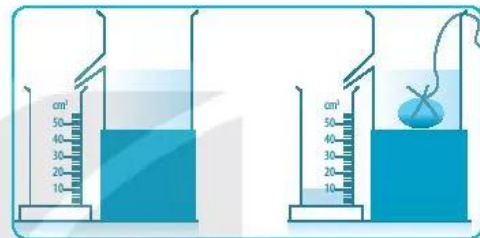
- A. 38 cm^3 . B. 50 cm^3 .
 C. 12 cm^3 . D. 51 cm^3 .



Hình 5.8

b) Hình 5.9 mô tả cách đo thể tích của một vật rắn không thấm nước bằng bình tràn kết hợp với bình chia độ. Thể tích của vật đó bằng

- A. $10,2 \text{ cm}^3$.
 B. $10,50 \text{ cm}^3$.
 C. 10 cm^3 .
 D. $10,25 \text{ cm}^3$.

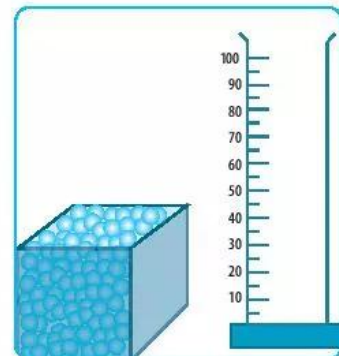


Hình 5.9

5.9. Một trường Trung học cơ sở có 30 lớp, trung bình mỗi lớp trong một ngày tiêu thụ 120 lít nước. Biết giá nước hiện nay là 10 000 đồng/m³.

- a) Hãy tính số tiền nước mà trường học này phải trả trong một tháng (30 ngày).
 b) Nếu có một khoá nước ở trường học này bị rò rỉ với tốc độ trung bình cứ 2 giọt trong 1 giây và 20 giọt nước có thể tích là 1 cm³. Hãy tính số tiền lãng phí do để nước bị rò rỉ trong một tháng.

5.10*. Nếu có một hộp đựng viên bi sắt nhỏ và bình chia độ (Hình 5.10). Hãy nêu một phương án để xác định gần đúng thể tích của một viên bi. Tiến hành thí nghiệm ở nhà và báo cáo kết quả.



Hình 5.10